

Số: 2872/QĐ-KHTN

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Ban hành định mức thu học phí năm học 2024-2025
trình độ đại học hệ chính quy chương trình đại trà
khóa tuyển 2022, 2023 và 2024

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

Căn cứ Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26 tháng 03 năm 2014 của Thủ tướng Chính Phủ về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 1506/QĐ-ĐHQG ngày 14 tháng 11 năm 2022 của Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt Đề án đổi mới cơ chế hoạt động của Trường Đại học Khoa học tự nhiên giai đoạn 2022-2025;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo (sau đây viết tắt là NĐ81/2021/NĐ-CP);

Căn cứ Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học;

Căn cứ Công văn số 1839/ĐHQG-TC ngày 25 tháng 10 năm 2023 của Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh về việc thực hiện mức học phí năm học 2024-2025;

Căn cứ Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Theo đề nghị của Trường phòng Phòng Kế hoạch - Tài chính và Trường phòng Phòng Đào tạo.


QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Học phí đối với sinh viên trình độ đại học hệ chính quy chương trình đại trà (kể cả sinh viên cử nhân tài năng) được thu theo học kỳ căn cứ vào tổng số tiết thực học của các học phần mà sinh viên đăng ký học trong học kỳ và mức thu của một tín chỉ học

phí được quy định theo năm học, trong đó 15 tiết thực học được tính là một tín chỉ học phí.

Điều 2. Trong năm học 2024-2025, mức thu của một tín chỉ học phí (còn gọi là đơn giá tín chỉ học phí) được xác định căn cứ vào mức học phí theo khối ngành, lĩnh vực đào tạo, loại học phần và tổng số tín chỉ học phí toàn khóa học theo quy định hiện hành. Mức thu của một tín chỉ học phí trong năm học 2024-2025 đối với sinh viên trình độ đại học hệ chính quy chương trình đại trà khóa tuyển 2022, khóa tuyển 2023 và khóa tuyển 2024 theo loại học phần được quy định tại **phụ lục I** đính kèm quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Trường các phòng, trưởng các khoa, các cá nhân liên quan và sinh viên chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /

Nơi nhận:

- ĐHQG-HCM (để báo cáo);
- Như điều 4;
- Lưu: VT, ĐT, KHTC, CTSV. ✓





PHỤ LỤC I

Định mức thu học phí năm học 2024-2025 trình độ đại học hệ chính quy chương trình đại trà Khóa tuyển 2022, 2023 và 2024

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2872/QĐ-KHTN ngày 11 tháng 10 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG-HCM)

1. Đơn giá tín chỉ học phí đối với sinh viên trình độ đại học hệ chính quy chương trình đại trà khóa tuyển 2022, khóa tuyển 2023 và khóa tuyển 2024 theo quy định sau đây:

STT	Tên ngành đào tạo	Thời gian đào tạo	Khối kiến thức giáo dục đại cương				Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	Định mức học phí năm học 2024-2025	Định mức tổng học phí CTĐT (4 năm) tính tại năm học 2024-2025
			Đơn giá/ 01 tín chỉ học phí				Đơn giá/01 tín chỉ học phí các học phần của khối kiến thức GDCN gồm: CS ngành, chuyên ngành, tốt nghiệp...		
			Tin học cơ sở	Lý luận chính trị, KT-XH-PL	Giáo dục Quốc phòng - An ninh; Giáo dục thể chất	Các học phần còn lại của khối kiến thức GDĐC gồm: Toán, Vật lý, Hóa, Sinh, Môi trường, Địa chất, Tin học thuộc ngành CNTT....			
Số thứ tự cột			1	2	3	4	5	6	7
1	Vật lý học	4 năm	370.000	370.000	370.000	556.000	556.000	24.700.000	98.800.000
2	Hải dương học	4 năm	370.000	370.000	370.000	556.000	556.000	24.700.000	98.800.000
3	Kỹ thuật hạt nhân	4 năm	370.000	370.000	370.000	556.000	586.000	24.700.000	98.800.000
4	Khoa học môi trường	4 năm	370.000	370.000	370.000	556.000	587.000	24.700.000	98.800.000

STT	Tên ngành đào tạo	Thời gian đào tạo	Khối kiến thức giáo dục đại cương				Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	Định mức học phí năm học 2024-2025	Định mức tổng học phí CTĐT (4 năm) tính tại năm học 2024-2025
			Đơn giá/ 01 tín chỉ học phí				Đơn giá/01 tín chỉ học phí các học phần của khối kiến thức GDCN gồm: CS ngành, chuyên ngành, tốt nghiệp...		
			Tin học cơ sở	Lý luận chính trị, KT-XH-PL	Giáo dục Quốc phòng - An ninh; Giáo dục thể chất	Các học phần còn lại của khối kiến thức GDĐC gồm: Toán, Vật lý, Hóa, Sinh, Môi trường, Địa chất, Tin học thuộc ngành CNTT....			
Số thứ tự cột			1	2	3	4	5	6	7
5	Công nghệ kỹ thuật môi trường	4 năm	370.000	370.000	370.000	556.000	598.000	24.700.000	98.800.000
6	Địa chất học	4 năm	370.000	370.000	370.000	556.000	573.000	24.700.000	98.800.000
7	Vật lý Y Khoa	4 năm	370.000	370.000	370.000	556.000	706.000	28.000.000	112.000.000
8	Kỹ thuật địa chất	4 năm	370.000	370.000	370.000	556.000	558.000	24.700.000	98.800.000
9	Quản lý tài nguyên và Môi trường	4 năm	370.000	370.000	370.000	556.000	592.000	24.700.000	98.800.000
10	Toán học	4 năm	370.000	370.000	370.000	556.000	844.000	31.000.000	124.000.000
11	Nhóm ngành Công nghệ thông tin	4 năm	370.000	370.000	370.000	556.000	773.000	31.000.000	124.000.000
12	Trí tuệ nhân tạo	4 năm	370.000	370.000	370.000	556.000	780.000	31.000.000	124.000.000
13	Hóa học	4 năm	370.000	370.000	370.000	556.000	677.000	30.400.000	121.600.000
14	Sinh học	4 năm	370.000	370.000	370.000	556.000	788.000	30.400.000	121.600.000
15	Công nghệ sinh học	4 năm	370.000	370.000	370.000	556.000	818.000	30.400.000	121.600.000

STT	Tên ngành đào tạo	Thời gian đào tạo	Khối kiến thức giáo dục đại cương				Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	Định mức học phí năm học 2024-2025	Định mức tổng học phí CTĐT (4 năm) tính tại năm học 2024-2025
			Đơn giá/ 01 tín chỉ học phí				Đơn giá/01 tín chỉ học phí các học phần của khối kiến thức GDCN gồm: CS ngành, chuyên ngành, tốt nghiệp...		
			Tin học cơ sở	Lý luận chính trị, KT-XH-PL	Giáo dục Quốc phòng - An ninh; Giáo dục thể chất	Các học phần còn lại của khối kiến thức GDĐC gồm: Toán, Vật lý, Hóa, Sinh, Môi trường, Địa chất, Tin học thuộc ngành CNTT....			
Số thứ tự cột			1	2	3	4	5	6	7
16	Khoa học vật liệu	4 năm	370.000	370.000	370.000	556.000	831.000	30.400.000	121.600.000
17	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	4 năm	370.000	370.000	370.000	556.000	841.000	31.000.000	124.000.000
18	Khoa học dữ liệu	4 năm	370.000	370.000	370.000	556.000	841.000	31.000.000	124.000.000
19	Công nghệ Vật liệu	4 năm	370.000	370.000	370.000	556.000	785.000	31.000.000	124.000.000
20	Toán ứng dụng	4 năm	370.000	370.000	370.000	556.000	789.000	31.000.000	124.000.000
21	Toán tin	4 năm	370.000	370.000	370.000	556.000	786.000	31.000.000	124.000.000
22	Công nghệ vật lý điện tử và tin học	4 năm	370.000	370.000	370.000	556.000	700.000	30.400.000	121.600.000
23	Công nghệ bán dẫn	4 năm	370.000	370.000	370.000	556.000	735.000	30.400.000	121.600.000
24	Thiết kế vi mạch	4 năm	370.000	370.000	370.000	556.000	773.000	31.000.000	124.000.000

2. Nguyên tắc xác định đơn giá: Các loại đơn giá theo năm học được xác định sao cho tổng học phí các khối kiến thức trong chương trình đào tạo không cao hơn định mức tổng học phí CTĐT (4 năm) tính tại năm học tương ứng.

3. Các học phần Anh văn là học phần điều kiện và thuộc khối kiến thức bổ trợ, sinh viên được xét miễn học nếu nộp chứng chỉ ngoại ngữ đạt chuẩn đầu ra theo quy định hiện hành. Đối với sinh viên trình độ đại học chương trình đại trà khóa tuyển 2022, khóa tuyển 2023 và khóa tuyển 2024, đơn giá 01 tín chỉ học phí các học phần Anh văn là **370.000** đồng./.